

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7136 /QĐ - BYT

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành tiêu chí chấm điểm
tổ chức giám định pháp y công lập thuộc ngành y tế**

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật giám định tư pháp số 13/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012 và Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Bảng tiêu chí chấm điểm tổ chức giám định pháp y công lập thuộc ngành y tế”, bao gồm 5 nhóm tiêu chí.

Điều 2. Bảng tiêu chí chấm điểm tổ chức giám định pháp y công lập thuộc ngành y tế được áp dụng để đánh giá, chứng nhận kết quả công tác và xếp loại thi đua hằng năm của đơn vị.

Điều 3. Giao Cục Quản lý Khám, chữa bệnh làm đầu mối chỉ đạo Viện Pháp y Quốc gia hướng dẫn các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện “Bảng tiêu chí chấm điểm tổ chức giám định pháp y công lập thuộc ngành y tế” và tiếp tục nghiên cứu, xây dựng bổ sung, hoàn thiện các tiêu chí, báo cáo Bộ Y tế.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 5. Các ông, bà Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Vụ trưởng Vụ Truyền thông thi đua khen thưởng, Viện trưởng Viện Pháp y Quốc gia, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để b/cáo);
- Bộ Tư pháp (để biết);
- Công TTĐT BYT;
- Lưu: VT, KCB.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Viết Tiến

BẢNG TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH PHÁP Y CÔNG LẬP THUỘC NGÀNH Y TẾ

PHẦN I. TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM VIỆN PHÁP Y QUỐC GIA

A. CÁC NHÓM TIÊU CHÍ

I. Nhóm tiêu chí:

Nhóm	Tên tiêu chí	Điểm
Nhóm 1	Thực hiện chức năng nhiệm vụ	40
Nhóm 2	Tổ chức và quản lý đơn vị	35
Nhóm 3	Trình độ chuyên môn kỹ thuật, cơ cấu lao động	10
Nhóm 4	Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật	10
Nhóm 5	Các hoạt động ngành, chuyên ngành	5
	Tổng điểm	100

II. Nguyên tắc tính điểm và đánh giá

1. Tính điểm

Căn cứ để tính điểm:

- Các văn bản qui phạm pháp luật;
- Các báo cáo, số liệu của đơn vị;
- Kiểm tra thực tế.

2. Đánh giá

- Mức 1: ≥ 91 điểm Xếp loại: Xuất sắc
- Mức 2: 81 - 90 điểm Xếp loại: Tốt
- Mức 3: 71 - 80 điểm Xếp loại: Khá
- Mức 4: 61 - 70 điểm Xếp loại: Trung bình
- Mức 5: ≤ 60 điểm Xếp loại: Yếu

3. Điểm cộng

- Trong năm được tặng Bằng khen cấp Bộ hoặc tương đương: + 03 điểm
- Nếu nhận Bằng khen Chính phủ: + 05 điểm
- Có đề tài cấp Bộ trở lên được nghiệm thu: + 5 điểm/1 đề tài. Có trên 5 đề tài cấp cơ sở: mỗi đề tài cộng thêm 1 điểm.
- Có các tổ chức đoàn thể: Công đoàn, Đoàn thanh niên được công nhận trong sạch, vững mạnh hoặc được tặng Bằng khen: + 5 điểm.

4. Điểm trừ

- Có đơn thư khiếu nại tố cáo qua kiểm tra kết luận có sai phạm: - 10 điểm

B. BẢNG ĐIỂM

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM CHI TIẾT	ĐIỂM ĐẠT
Nhóm 1	THỰC HIỆN CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ	40 điểm		
1	Số lượng chuyên môn	8		
1.1	Đạt tổng số các loại giám định số lượng ≥ 2.000 vụ/năm		8	
1.2	Đạt tổng số các loại giám định số lượng 1800-2.000 vụ/năm		7	
1.3	Đạt tổng số các loại giám định số lượng dưới 1.800 vụ/năm		6	
2	Chất lượng chuyên môn	9		
2.1	Chất lượng phục vụ	3		
2.1.1	Các thủ tục tiếp nhận, giám định, thanh toán, trả kết quả... thuận tiện, nhanh chóng, kịp thời		0,5	
2.1.2	Các ý kiến phàn nàn, thắc mắc hoặc khen ngợi được tiếp nhận, phản hồi, giải quyết kịp thời		0,5	
2.1.3	Có bảng chỉ dẫn rõ ràng, đón tiếp và hướng dẫn cụ thể		0,5	
2.1.4	Phòng khám giám định được bố trí gọn gàng, ngăn nắp,		0,5	
2.1.5	Có nơi chờ sạch sẽ, thoáng mát		0,5	
2.1.6	Đảm bảo vệ sinh, an ninh trật tự, an toàn tại đơn vị		0,5	
2.2	Chất lượng hoạt động giám định	6		
2.1.1	Có lịch phân công trực giám định hàng tuần đầy đủ		0,5	
2.2.2	Có sổ trực		0,5	
2.2.3	Có sổ theo dõi giám định		0,5	
2.2.4	Có biên bản tiếp nhận hồ sơ giám định		0,5	
2.2.5	Có bảng phân công cấp giám định		0,5	
2.2.6	Có văn bản ghi nhận quá trình giám định		0,5	
2.2.7	Bản kết luận giám định theo đúng mẫu qui định tại Thông tư 47/2013/TT-BYT ngày 31/12/2013 của Bộ Y tế		0,5	
2.2.8	Có bản ảnh in màu trên bản kết luận giám định		0,5	
2.2.9	Đảm bảo cấp giám định đủ 2 giám định viên và 2 người giúp việc		1	
2.2.10	Hồ sơ được lưu trữ đúng qui định		1	

3.	Triển khai các loại hình giám định	5			
3.1	Giám định và giám định lại tổn hại sức khỏe do chấn thương và các nguyên nhân khác		0,5		
3.2	Giám định và giám định lại tử thi, giám định hài cốt.		0,5		
3.3	Giám định tình trạng sức khỏe các đối tượng phục vụ cho quá trình điều tra, truy tố, xét xử, chấp hành án		0,5		
3.4	Giám định pháp y tình dục, giới tính, giám định tuổi		0,5		
3.5	Giám định và giám định lại trên hồ sơ		0,5		
3.6	Giám định và giám định lại hung khí		0,5		
3.7	Giám định hóa pháp		0,5		
3.8	Giám định ADN, giám định các dấu vết sinh học		0,5		
3.9	Giám định mô bệnh học		0,5		
3.10	Thực hiện các giám định khác theo quy định của pháp luật.		0,5		
4	Công tác đào tạo	5			
4.1	Đào tạo và đào tạo lại cán bộ trong Viện (gồm cử tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ...)	1,5			
4.1.1	<i>Trong năm có $\geq 40\%$ CBVC được đào tạo lại</i>		1,5		
4.1.2	<i>Trong năm có $\geq 25-40\%$ CBVC được đào tạo lại</i>		1		
4.1.3	<i>Trong năm có $< 25\%$ CBVC được đào tạo lại</i>		0,5		
4.1.4	<i>Không cử cán bộ đi đào tạo lại</i>		0		
4.2	Đơn vị cử cán bộ công chức đi học các khóa đào tạo nâng cao văn bằng Bác sĩ, Dược sĩ, sau đại học (CKI, CKII, Thạc sĩ, Tiến sĩ...)	1			
4.2.1	<i>Có cán bộ đi đào tạo</i>		1		
4.2.2	<i>Không có cán bộ đi đào tạo</i>		0		
4.3	Mở lớp đào tạo chuyên môn nghiệp vụ pháp y tại Viện (cho bác sĩ hoặc KTV)	1,5			
4.4	Tập huấn chuyên môn nghiệp vụ pháp y tại địa phương (do Viện hoặc địa phương tổ chức)	1			
5	Kết quả nghiên cứu khoa học	5			
5.1	Có 3-5 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở/sáng kiến kinh nghiệm được		5		

	nghiệm thu trong năm				
5.2	Có dưới 3 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở/sáng kiến kinh nghiệm được nghiệm thu trong năm		3		
6	Kết quả xây dựng kế hoạch và chỉ đạo tuyển	5			
6.1	Kiểm tra tuyển trên 10 tỉnh/năm		5		
6.2	Kiểm tra tuyển từ 8-10 tỉnh/năm		4		
6.3	Kiểm tra tuyển dưới 8 tỉnh/năm		3		
6.4	Không thực hiện kiểm tra tuyển		0		
7	Kết quả hợp tác quốc tế	3			
7.1	Có cán bộ đi học tập, tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế	1,5			
7.2	Có triển khai hợp tác hợp tác quốc tế hoặc có chuyên gia quốc tế đến làm việc	1,5			
Nhóm 2	TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐƠN VỊ	35 điểm			
1	Công tác tổ chức	12			
1.1	Tham mưu tuyển dụng, bổ nhiệm, hợp đồng, sử dụng và quản lý người lao động	2			
1.1.1	Tốt		2		
1.1.2	Còn chậm hoặc chưa tốt		1		
1.2	Thực hiện chế độ chính sách cho người lao động (lương, phụ cấp, BHXH, BHYT...)	2			
1.2.1	Thực hiện đầy đủ		2		
1.2.2	Thực hiện chưa đầy đủ		1		
1.3	Chăm lo sức khỏe cho người lao động	2			
1.3.1	Khám sức khỏe định kỳ hàng năm		2		
1.3.2	Không khám sức khỏe định kỳ hàng năm		0		
1.4	Thi đua khen thưởng, kỷ luật	2			
1.4.1	Thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật		2		
1.4.2	Thực hiện chưa tốt công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật		1		
1.5	Lưu trữ hồ sơ cán bộ	2			
1.5.1	Thực hiện tốt công tác lưu trữ hồ sơ cán bộ		2		
1.5.2	Thực hiện chưa tốt công tác lưu trữ hồ sơ cán bộ		1		
1.6	Xây dựng, ban hành và thực hiện đầy đủ các loại Quy chế: Quy chế thi đua khen thưởng, Quy chế nâng lương, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế đào tạo, Quy	2			

	chế dân chủ và các quy chế, quy định khác				
1.6.1	Đầy đủ		2		
1.6.2	Chưa đầy đủ		1		
2	Công tác quản lý đơn vị	20 điểm			
2.1	Sử dụng nguồn ngân sách nhà nước cấp	4			
2.1.1	Hiệu quả, đảm bảo thu chi theo quy định		4		
2.1.2	Chưa đảm bảo		2		
2.2	Thực hiện sử dụng tốt nguồn kinh phí, tăng thu nhập cho người lao động	4			
2.2.1	Đảm bảo có chi thu nhập tăng thêm cho người lao động đều đặn hàng tháng		4		
2.2.2	Đảm bảo có chi thu nhập tăng thêm cho người lao động nhưng không đều		2		
2.3	Tài sản, thiết bị máy móc đều được thể hiện trên sổ sách và giao trách nhiệm quản lý cho từng cá nhân	2			
2.3.1	Đảm bảo đúng		2		
2.3.2	Chưa đảm bảo		1		
2.4	Sử dụng vật tư, tài sản dựa trên định mức và tiết kiệm:	2			
2.4.1	Có xây dựng định mức vật tư tiêu hao cho các khoa, phòng và cấp phát đầy đủ		2		
2.4.2	Xây dựng định mức vật tư tiêu hao cho các khoa, phòng nhưng chưa đầy đủ		1		
2.5	Công tác quản lý và sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị	2			
2.5.1	Thực hiện đầy đủ công tác kiểm kê		2		
2.5.2	Có sổ sách quản lý và theo dõi hàng năm		1		
2.6	Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo	2			
2.6.1	Đầy đủ, theo quy định		2		
2.6.2	Chưa đầy đủ/không theo quy định		1		
2.7	Công tác an ninh, môi trường đơn vị	2			
2.7.1	Đảm bảo công tác an ninh trật tự, môi trường xanh, sạch, đẹp		2		
2.7.2	Chưa đảm bảo đầy đủ		1		
2.8	Công tác cải cách hành chính	2			
2.8.1	Thực hiện tốt và đầy đủ các quy định về công tác cải cách hành chính		2		
2.8.2	Thực hiện cơ bản đầy đủ các quy định về công tác cải cách hành chính		1		

2.8.3	Thực hiện một phần các quy định về công tác cải cách hành chính		0		
3	Công tác kế hoạch	3			
3.1	Có đầy đủ kế hoạch tháng, quý, năm		2		
3.2	Có kế hoạch tháng, quý, năm nhưng chưa đầy đủ		1		
Nhóm 3	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT, CƠ CẤU LAO ĐỘNG	10 điểm			
1	Viện trưởng và các phó viện trưởng	3			
1.1	Trình độ chuyên môn	1			
1.1.1	$\geq 100\%$ có trình độ từ thạc sỹ hoặc tương đương trở lên		1		
1.1.2	$< 100\%$ có trình độ từ thạc sỹ hoặc tương đương trở lên		0,5		
1.2	Chính trị	1			
1.2.1	75% có bằng chính trị cao cấp trở lên		1		
1.2.2	$< 75\%$ có bằng chính trị cao cấp trở lên		0,5		
1.3	Quản lý hành chính nhà nước	1			
1.3.1	100% có chứng chỉ chuyên viên chính hoặc tương đương		1		
1.3.2	$< 100\%$ có chứng chỉ chuyên viên chính hoặc tương đương		0,5		
2	Các trưởng phòng và phó trưởng phòng	3			
2.1	Trình độ chuyên môn	1			
2.1.1	$\geq 50\%$ có trình độ sau đại học		1		
2.1.2	$< 50\%$ có trình độ sau đại học		0,5		
2.2	Chính trị	1			
2.2.1	$\geq 20\%$ có bằng chính trị từ trung cấp trở lên		1		
2.2.2	$< 20\%$ có bằng chính trị từ trung cấp trở lên		0,5		
2.3	Quản lý hành chính nhà nước	1			
2.3.1	$\geq 20\%$ có chứng chỉ quản lý hành chính nhà nước		1		
2.3.2	$< 20\%$ có chứng chỉ quản lý hành chính nhà nước		0,5		
3	Các trưởng khoa và phó trưởng khoa	3			
3.1	Trình độ chuyên môn	1			
3.1.1	100% có trình độ thạc sỹ và tương đương		1		
3.1.2	$< 100\%$ có trình độ thạc sỹ và tương đương		0,5		
3.2	Chính trị	1			

3.2.1	$\geq 20\%$ có bằng chính trị từ trung cấp trở lên		1		
3.2.2	$< 20\%$ có bằng chính trị từ trung cấp trở lên		0,5		
3.3	Quản lý hành chính nhà nước	1			
3.3.1	$\geq 20\%$ có chứng chỉ quản lý hành chính nhà nước		1		
3.3.2	$< 20\%$ có chứng chỉ quản lý hành chính nhà nước		0,5		
4	Các cán bộ khác (không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý, không phải giám định viên)	1			
4.1	Trình độ chuyên môn	1			
4.1.1	$\geq 75\%$ có trình độ cao đẳng, đại học trở lên		1		
4.1.2	$< 75\%$ có trình độ cao đẳng, đại học trở lên		0,5		
Nhóm 4	CƠ SỞ HẠ TẦNG, TRANG THIẾT BỊ KỸ THUẬT	10 điểm			
1	Cơ sở hạ tầng	2,5			
1.1.1	Có sơ đồ chỉ dẫn các khoa phòng, có bảng tên khoa, phòng	0,5			
1.1.2	Có hệ thống cấp nước sạch	0,5			
1.1.3	Chất thải được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định	0,5			
1.1.4	Có hệ thống phòng cháy, chữa cháy	0,5			
1.1.5	Có kho lưu trữ hồ sơ đảm bảo lưu trữ không thời hạn	0,5			
2	Trang thiết bị kỹ thuật	7,5			
2.1	Trang thiết bị phục vụ chuyên môn	2			
2.1.1	Đủ để làm việc		2		
2.1.2	Chưa đủ để làm việc		1,5		
2.2	Trang thiết bị văn phòng	2			
2.2.1	Đủ để làm việc		2		
2.2.2	Chưa đủ để làm việc		1,5		
2.3	Xe ô tô	2			
2.3.1	Có đủ xe ô tô phục vụ giám định và công tác		2		
2.3.2	Không có đủ xe ô tô phục vụ giám định		1		
2.4	Ứng dụng công nghệ thông tin	1,5			
2.4.1	Có ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn và quản lý		1,5		
2.4.2	Ứng dụng ít công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn và quản lý		1		

Nhóm 5	CÔNG TÁC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH	5 điểm			
1	Tham gia các hoạt động của Bộ/ngành	2,5			
1.1	Đầy đủ		2,5		
1.2	Chưa đầy đủ		1		
2	Tham gia các hoạt động Hội pháp y	2,5			
2.1	Đầy đủ		2,5		
2.2	Chưa đầy đủ		1		
	TỔNG ĐIỂM	100			

PHẦN II. TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM TRUNG TÂM PHÁP Y CẤP TỈNH

A. CÁC NHÓM TIÊU CHÍ

I. Nhóm tiêu chí:

Nhóm	Tên tiêu chí	Điểm
Nhóm 1	Thực hiện chức năng nhiệm vụ	40
Nhóm 2	Tổ chức và quản lý đơn vị	15
Nhóm 3	Trình độ chuyên môn kỹ thuật, cơ cấu lao động	20
Nhóm 4	Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật	20
Nhóm 5	Các hoạt động chuyên ngành	5
	Tổng điểm	100

II. Nguyên tắc tính điểm và đánh giá

1. Tính điểm

Căn cứ để tính điểm:

- Các văn bản qui phạm pháp luật;
- Các báo cáo, số liệu của đơn vị;
- Kiểm tra thực tế.

2. Đánh giá

- Mức 1: ≥ 91 điểm Xếp loại: Xuất sắc
- Mức 2: 81 - 90 điểm Xếp loại: Tốt
- Mức 3: 71 - 80 điểm Xếp loại: Khá
- Mức 4: 61 - 70 điểm Xếp loại: Trung bình
- Mức 5: ≤ 60 điểm Xếp loại: Yếu

3. Điểm cộng

- Trong năm được tặng Bằng khen từ cấp tỉnh trở lên: + 05 điểm
- Trong năm được tặng Giấy khen: + 02 điểm
- Chủ trì đề tài hoặc tham gia đề tài cấp bộ, tỉnh, thành phố: + 02 điểm
- Trong năm tổ chức hoặc tham gia tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ tại đơn vị: + 01 điểm

4. Điểm trừ

- Có đơn thư khiếu nại tố cáo qua kiểm tra kết luận có sai phạm: - 10 điểm

B. BẢNG ĐIỂM

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM CHI TIẾT	ĐIỂM ĐẠT
Nhóm 1	THỰC HIỆN CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ	40 điểm		
1	Số lượng chuyên môn	10 điểm		
1.1	Giám định trên người sống	4		
1.1.1	> 200 trường hợp/năm		4	
1.1.2	100 – 200 trường hợp/năm		3	
1.1.3	<100 trường hợp/năm		2	
1.1.4	Không thực hiện		0	
1.2	Giám định tử thi, hài cốt	3		
1.2.1	> 100 trường hợp/năm		3	
1.2.2	50 – 100 trường hợp/năm		2	
1.2.3	<50 trường hợp/năm		1	
1.2.4	Không thực hiện		0	
1.3	Giám định khác (hồ sơ, hung khí, vi thể, hóa pháp, ADN...)	3		
1.3.1	>100 trường hợp/năm		3	
1.3.2	50-100 trường hợp /năm		2	
1.3.3	<50 trường hợp/năm		1	
1.3.4	Chỉ lấy mẫu gửi giám định		0,5	
1.3.5	Không thực hiện		0	
2	Chất lượng chuyên môn	15 điểm		
2.1	Chất lượng phục vụ	5		
2.1.1	Có nơi chờ sạch sẽ, thoáng mát	1		
2.1.2	Các thủ tục tiếp nhận, giám định, thanh toán, trả kết quả... thuận tiện, nhanh chóng, kịp thời	1		
2.1.3	Phòng khám giám định được bố trí gọn gàng, ngăn nắp,	1		
2.1.4	Các ý kiến phản nàn, thắc mắc hoặc khen ngợi được tiếp nhận, phản hồi, giải quyết kịp thời	1		
2.1.5	Đảm bảo vệ sinh, an ninh trật tự, an toàn tại đơn vị	0,5		
2.1.6	Có bảng chỉ dẫn rõ ràng, đón tiếp và hướng dẫn cụ thể	0,5		
2.2	Chất lượng hoạt động chuyên môn	10		
2.2.1	Có lịch phân công trực giám định hàng tuần đầy đủ	1		
2.2.2	Có sổ trực	1		
2.2.3	Có sổ theo dõi giám định	1		
2.2.4	Có biên bản tiếp nhận hồ sơ giám định	1		

2.2.5	Có bảng phân công kíp giám định	1				
2.2.6	Có văn bản ghi nhận quá trình giám định	1				
2.2.7	Bản kết luận giám định theo đúng mẫu qui định tại Thông tư 47/2013/TT-BYT ngày 31/12/2013 của Bộ Y tế	1				
2.2.8	Có bản ảnh in màu trên bản kết luận giám định	1				
2.2.9	Kíp giám định đủ 2 giám định viên và 2 người giúp việc (Nếu không đủ kíp giám định tính 0,5 điểm)	1				
2.2.10	Hồ sơ được lưu trữ đúng qui định	1				
3.	Triển khai các loại hình giám định	10 điểm				
3.1	Giám định tổn thương cơ thể	3				
3.2	Giám định tử thi, giám định hài cốt	3				
3.3	Giám định vi thể	1				
3.4	Giám định qua hồ sơ	0,5				
3.5	Giám định tình dục	0,5				
3.6	Giám định giới tính	0,5				
3.7	Giám định hung khí	0,5				
3.8	Giám định thi hành án	0,5				
3.9	Giám định khác	0,5				
4	Nghiên cứu khoa học	2 điểm				
4.1	Chủ trì đề tài cấp cơ sở, sáng kiến cải tiến kỹ thuật được nghiệm thu		2			
4.2	Tham gia đề tài cấp cơ sở, sáng kiến cải tiến kỹ thuật được nghiệm thu		1			
4.3	Không có nghiên cứu khoa học		0			
5	Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn kỹ thuật	2 điểm				
5.1	Cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ	1				
5.2	Thực hiện đào tạo lại, tự đào tạo liên tục	1				
6	Thực hiện chế độ báo cáo Sở Y tế, Sở Tư pháp, Viện Pháp y Quốc gia	1 điểm				
6.1	Báo cáo đầy đủ		1			
6.2	Báo cáo không đầy đủ		0,5			
6.3	Không báo cáo		0			
Nhóm 2	TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐƠN VỊ	15 điểm				
1	Lãnh đạo	2 điểm				
1.1	Giám đốc và phó giám đốc phụ trách chuyên môn là giám định viên		2			
1.2	Chỉ giám đốc hoặc phó giám đốc phụ trách chuyên môn là giám định viên		1			
2	Các phòng chức năng và các khoa chuyên	6 điểm				

	môn (theo quy định tại Thông tư 42/2015/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 16/11/2015)					
2.1	Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị	2				
2.2	Khoa Giám định	2				
2.3	Phòng Kế hoạch – Tài chính	0,5				
2.4	Khoa Giải phẫu bệnh	0,5				
2.5	Khoa Xét nghiệm – Chẩn đoán hình ảnh	0,5				
2.6	Các khoa khác	0,5				
3	Xây dựng các quy chế, quy định	4 điểm				
3.1	Có Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	2				
3.2	Có Đề án vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	1				
3.3	Có đầy đủ các quy định nội bộ của đơn vị (Nếu không đủ chỉ tính 0,5 điểm)	1				
4	Thực hiện các chế độ (chế độ cho người lao động, người giám định và tham gia giám định...)	3 điểm				
4.1	Thực hiện đầy đủ các chế độ		3			
4.2	Thực hiện không đầy đủ		1,5			
4.3	Không thực hiện		0			
Nhóm 3	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT, CƠ CẤU LAO ĐỘNG	20 điểm				
1	Giám đốc và các phó giám đốc	4 điểm				
1.1	Trình độ chuyên môn	2				
1.1.1	≥ 50% có trình độ sau đại học		2			
1.1.2	< 50% có trình độ sau đại học		1			
1.2	Chính trị	1				
1.2.1	≥ 50% có bằng chính trị trung cấp trở lên		1			
1.2.2	< 50% có bằng chính trị trung cấp trở lên		0,5			
1.3	Quản lý hành chính nhà nước	1				
1.3.1	≥ 50% có chứng chỉ quản lý hành chính nhà nước		1			
1.3.2	< 50% có chứng chỉ quản lý hành chính nhà nước		0,5			
2	Các trưởng phòng và phó trưởng phòng	4 điểm				
2.1	Trình độ chuyên môn	2				
2.1.1	Có cán bộ trình độ sau đại học		2			
2.1.2	100% trình độ đại học		1			
2.2	Chính trị	1				
2.2.1	≥ 20% có bằng chính trị từ trung cấp trở lên		1			
2.2.2	< 20% có bằng chính trị từ trung cấp trở lên		0,5			

2.3	Quản lý hành chính nhà nước	1				
2.3.1	$\geq 20\%$ có chứng chỉ quản lý hành chính nhà nước		1			
2.3.2	$< 20\%$ có chứng chỉ quản lý hành chính nhà nước		0,5			
3	Các trưởng khoa và phó trưởng khoa	4 điểm				
3.1	Trình độ chuyên môn	2				
3.1.1	$\geq 50\%$ có trình độ sau Đại học, còn lại là Đại học		2			
3.1.2	$< 50\%$ có trình độ sau đại học, còn lại là đại học		1			
3.2	Chính trị	1				
3.2.1	$\geq 20\%$ có bằng chính trị từ trung cấp trở lên		1			
3.2.2	$< 20\%$ có bằng chính trị từ trung cấp trở lên		0,5			
3.3	Quản lý hành chính nhà nước	1				
3.3.1	$\geq 20\%$ có chứng chỉ quản lý hành chính nhà nước		1			
3.3.2	$< 20\%$ có chứng chỉ quản lý hành chính nhà nước		0,5			
4	Giám định viên chuyên trách	4 điểm				
4.1	Trình độ chuyên môn	2				
4.1.1	$\geq 50\%$ có trình độ sau đại học		2			
4.1.2	$< 50\%$ có trình độ sau đại học		1,5			
4.1.3	100% có trình độ đại học		1			
4.2	Số lượng giám định viên chuyên trách làm việc tại trung tâm	2				
4.2.1	> 5		2			
4.2.2	2-5		1,5			
4.2.3	< 2		1			
5	Các cán bộ khác (không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý, không phải giám định viên)	4 điểm				
5.1	Trình độ chuyên môn	3				
5.1.1	$\geq 50\%$ có trình độ cao đẳng, đại học		3			
5.1.2	30-50% có trình độ cao đẳng, đại học		2			
5.1.3	$< 30\%$ có trình độ cao đẳng, đại học		1			
5.2	Chứng chỉ quản lý hành chính nhà nước	1				
5.2.1	$\geq 20\%$ có chứng chỉ quản lý hành chính nhà nước		1			
5.2.2	$< 20\%$ có chứng chỉ quản lý hành chính nhà nước		0,5			
Nhóm 4	CƠ SỞ HẠ TẦNG, TRANG THIẾT BỊ KỸ THUẬT	20 điểm				
1	Cơ sở hạ tầng	10 điểm				
1.1	Trụ sở	5				

1.1.1	Có trụ sở riêng		5			
1.1.2	Trụ sở ghép với đơn vị khác		4			
1.1.3	Không có trụ sở hoặc đi mượn/nhờ		3			
1.2	Hạ tầng khác	5				
1.2.1	Có sơ đồ chỉ dẫn các khoa phòng, có bảng tên khoa, phòng	1				
1.2.2	Có hệ thống cấp nước sạch	1				
1.2.3	Chất thải được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định	1				
1.2.4	Có hệ thống phòng cháy, chữa cháy	1				
1.2.5	Có kho lưu trữ hồ sơ đảm bảo lưu trữ không thời hạn	1				
2	Trang thiết bị kỹ thuật (theo qui định tại Thông tư 53/2015/ TT-BYT ngày 28/12/2015 của Bộ Y tế)	10 điểm				
2.1	Trang thiết bị phục vụ chuyên môn	5				
2.1.1	Đủ 100% theo qui định (42 trang thiết bị)		5			
2.1.2	70% đến <100%		4			
2.1.3	40% đến < 70%		3			
2.1.4	< 40%		2			
2.2	Trang thiết bị văn phòng	3				
2.2.1	Đủ 100% theo qui định (17 trang thiết bị)		3			
2.2.2	70% đến <100%		2			
2.2.3	40% đến <70%		1			
2.2.4	< 40%		0			
2.3	Xe ô tô	1				
2.3.1	Có xe ô tô của đơn vị để phục vụ giám định		1			
2.3.2	Không có xe ô tô của đơn vị để phục vụ giám định		0			
2.4	Ứng dụng công nghệ thông tin	1				
2.4.1	Có ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn và quản lý		1			
2.4.2	Không ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn và quản lý		0			
Nhóm 5	CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN NGÀNH	5 điểm				
1	Tham gia các hội nghị, hội thảo, tập huấn (do Bộ Y tế, Sở Y tế, Viện Pháp y Quốc gia, ... triệu tập)	2 điểm				
1.1	Đầy đủ		2			
1.2	Không đầy đủ		1			
1.3	Không tham gia		0			
2	Tham gia các hoạt động của Hội Pháp y	2 điểm				
2.1	Đầy đủ		2			
2.2	Không đầy đủ		1			

2.3	Không tham gia		0			
3	Đóng góp ý kiến, sáng kiến xây dựng chuyên ngành	1 điểm				
3.1.	Có đóng góp ý kiến, sáng kiến xây dựng chuyên ngành		1			
3.2.	Không đóng góp ý kiến, sáng kiến xây dựng chuyên ngành		0			

PHỤ LỤC

I. Giải thích một số nội dung trong tiêu chí và bảng điểm

Nhóm tiêu chí 2

Mục 4: Các chế độ cho người lao động, người giám định và tham gia giám định:

1. Thông tư 02/2009/TT-BTP ngày 17 tháng 09 năm 2009 Quy định về chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc giám định tư pháp
2. Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-BYT-BNV-BTC ngày 19/01/2012 Hướng dẫn thực hiện ND số 56 56/2011/ND-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập
3. Thông tư số 07/2005/TT-BNV ngày 5/1/2005 Hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp độc hại nguy hiểm đối với cán bộ, công chức, viên chức.
4. Thông tư số 25/2015/TT-BLĐTBXH ngày 18/10/2013 Hướng dẫn thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại.
5. Thông tư số 31/2015/TT-BYT ngày 14/10/2015 Quy định việc áp dụng chế độ bồi dưỡng, thời gian và số người thực hiện giám định đối với từng loại việc giám định pháp y, pháp y tâm thần.

II. Danh mục trang thiết bị, phương tiện giám định cho tổ chức giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y (Theo TT 53/2015/TT-BYT ngày 28/12/2015)

STT	TÊN TRANG THIẾT	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG (tối thiểu)
I	Trang thiết bị phục vụ chuyên môn		
1	Bộ dụng cụ mổ tử thi	Bộ	02
2	Cửa điện	Cái	02
3	Kính hiển vi 02 đầu thị kính có tích hợp máy chụp ảnh vi thể kỹ thuật số và máy vi tính	Cái	01
4	Tủ hút xử lý mẫu	Cái	02
5	Máy đúc bệnh phẩm	Cái	01
6	Máy cắt tiêu bản	Cái	02
7	Máy li tâm	Cái	01
8	Tủ âm	Cái	01
9	Bộ bể nhuộm thủ công (12 bể)	Bộ	01
10	Bàn hơ giãn tiêu bản	Cái	01
11	Tủ + hộp đựng tiêu bản	Cái	01

12	Bàn khám sản khoa + Đèn khám	Bộ	01	
13	Đèn cò	Cái	02	
14	Bộ dụng cụ khám xâm hại tình dục	Bộ	01	
15	Bàn khám bệnh	Cái	01	
16	Bộ dụng cụ khám mắt	Bộ	01	
17	Bộ dụng cụ khám Răng Hàm Mặt	Bộ	01	
18	Bộ dụng cụ khám Tai Mũi Họng	Bộ	01	
19	Bộ dụng cụ khám thần kinh	Bộ	01	
20	Bộ dụng cụ khám tổng quát gồm: Máy đo huyết áp, nhiệt kế, thước dây, cân nặng có thước đo chiều cao	Bộ	01	
21	Máy siêu âm	Cái	01	
22	Máy điện tim	Cái	01	
23	Máy điện não	Cái	01	
24	Máy điện cơ	Cái	01	
25	Máy X-Quang	Cái	01	
26	Đèn đọc phim X-Quang (loại 2, 4 phim)	Cái	02	
27	Máy đo khí độc cầm tay	Cái	01	
28	Bộ dụng cụ giám định hài cốt	Bộ	01	
29	Bàn để dụng cụ khám bệnh	Cái	02	
30	Xe đẩy - băng ca	Cái	02	
31	Tủ lạnh lưu giữ bệnh phẩm	Cái	02	
32	Máy giặt	Cái	02	
33	Máy hấp thanh tiệt trùng đồ vải	Cái	01	
34	Máy hấp dụng cụ mổ tử thi	Cái	01	
35	Máy hấp dụng cụ khám thông thường	Cái	01	
36	Tủ lạnh lưu giữ xác 2 ngăn	Cái	02	
37	Tủ sấy	Cái	01	

38	Tủ hốt	Cái	01	
39	Nồi cách thủy	Cái	01	
40	Xe ô tô chuyên dùng (7-15 chỗ)	Chiếc	01	
41	Máy phát điện 1,5 KVA	Cái	01	
42	Dây điện 200m	Cuộn	01	
II	Trang thiết bị văn phòng			
1	Máy photocopy	Cái	01	
2	Máy quay phim kỹ thuật số	Cái	02	
3	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	02	
4	Đầu đĩa DVD	Cái	01	
5	Tivi LCD	Cái	01	
6	Máy chiếu và màn chiếu	Bộ	01	
7	Hệ thống âm thanh hội trường	Hệ thống	01	
8	Kết sắt	Cái		
9	Máy vi tính	Bộ		
10	Máy vi tính xách tay	Cái		
11	Máy in Laser màu	Cái		
12	Máy in đen trắng	Cái		
13	Máy quét (scan)	Cái		
14	Điện thoại để bàn	Cái		
15	Bàn ghế làm việc	Bộ		
16	Tủ lưu trữ hồ sơ	Cái		
17	Điều hòa	Cái		

Đủ để làm việc theo quy định tại Quyết định số 170/2006/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị và phương tiện làm việc của cơ quan và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước